TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2022/HNGĐST
Ngày 30-11-2022
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Hải**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2022/TLST–HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Phan Văn B** – sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp kinh 2B, xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị Thúy Ng** – sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp kinh 5A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Phan Văn B trình bày:*** Anh và chị Phạm Thị Thúy Ng tự quen nhau chung sống với nhau vào tháng 18/8/2019 không có tổ chức cưới, được UBND xã T A, huyện T H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 8/7/2019. Sau đó vợ chồng chung sống tại ấp Kinh 2B, xã T A, huyện T H. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh

phúc, đến tháng cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, không thể tự giải quyết từ đó mà vợ chồng thường hay cự cãi nhau đến tháng 5/2021 chị Ng bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay anh B xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

- *Về con chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Phiên Tòa anh B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: anh B yêu cầu được ly hôn với chị Ng.

- Về quan hệ con chung: anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Ng được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Phan Văn B được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn chị Phạm Thị Thúy Ng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Ng vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa anh B yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Thúy Ng.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Văn B, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Văn B và chị Phạm Thị Thúy Ng

Anh B và chị Ng chung sống với nhau được Uỷ ban nhân dân xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2019, ngày 08/07/2019 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh B: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, không thể tự giải quyết từ đó mà vợ chồng thường hay cự cãi nhau đến tháng 5/2021 chị Ng bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa, anh B vẫn kiên quyết muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ.

Xét thấy: Chị Ng, anh B chung sống với nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 cả hai đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không thành, từ đó cho thấy vợ chồng anh B, chị Ng đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian khá dài; mặt khác, chị Ng và anh B đã ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh B yêu cầu được ly hôn với chị Ng là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: anh B xác nhận vợ chồng chung sống với nhau không có chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: anh B xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phan Văn B.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Phan Văn B phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phan Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phan Văn B được ly hôn với chị Phạm Thị Thúy Ng.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Phan Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002067, ngày 23 tháng 09 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Phạm Thị Thúy Ng có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:
- VKSND huyện T H;
- Chi cục THADS huyện T H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã T A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo